

01 tháng 1 năm 2001 đối với đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng chuyển sang hưởng chế độ trợ cấp 1 lần.

Trong thời gian kể từ ngày Nghị định có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2000, các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này tiếp tục được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Điều 5. Đối với đối tượng quy định tại Điều 1 của Nghị định này mà là người không hưởng lương, lương hưu, trợ cấp mất sức dài hạn thì khi chết, mai táng phí theo quy định sau:

1. Nếu là người cô đơn không nơi nương tựa thì tổ chức, chi phí mai táng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nếu gia đình của đối tượng thuộc diện hộ đói, nghèo thì được hỗ trợ mai táng phí từ ngân sách địa phương nơi đối tượng cư trú.

Điều 6.

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định này đối với đối tượng quy định tại Điều 1 thuộc phạm vi quản lý của mình sau khi thỏa thuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ liên quan xây dựng dự toán chi ngân sách trình cấp có thẩm quyền để thực hiện chi trả trợ cấp kháng chiến một lần theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

4. Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn hoàn thành trong năm 2000 việc tặng thưởng Huân chương, Huy chương về thành tích kháng chiến và kiểm tra công tác khen thưởng liên quan đến việc thực hiện quy định tại Nghị định này.

Điều 7.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các Điều 57, 58 và khoản 1, 2 của Điều 59 Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ và Nghị định số 66/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ.

Điều 8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 48/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa IX thông qua ngày 06 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000 (sau đây gọi chung là Luật Dầu khí).

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Nghị định này áp dụng đối với các hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí, kể cả xử lý, thu gom, tàng trữ, vận chuyển dầu khí trong khu vực khai thác cho tới điểm giao nhận và các hoạt động dịch vụ dầu khí trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như trên các công trình, phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định tại Điều 47 Luật Dầu khí.

Điều 3. Đối tượng được tiến hành hoạt động dầu khí.

Các tổ chức, cá nhân được tiến hành hoạt động dầu khí bao gồm:

1. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
2. Doanh nghiệp nhà nước khác được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước;
3. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;
4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư trực tiếp vào Việt Nam;

6. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này được tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí ký kết với Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Trong trường hợp tự tiến hành hoạt động dầu khí, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải lập đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phải tuân thủ các quy định của Luật Dầu khí, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định này, cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Định nghĩa.

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công trình cố định” là công trình được xây dựng, lắp đặt cố định và sử dụng để phục vụ hoạt động dầu khí.

2. “Diện tích hợp đồng” là diện tích được xác định trên cơ sở các lô tìm kiếm thăm dò theo thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí hoặc diện tích còn lại sau khi hoàn trả diện tích.

3. “Điểm giao nhận” là điểm được thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí mà ở đó dầu khí được chuyển giao quyền sở hữu cho các bên tham gia hợp đồng dầu khí.

4. “Hợp đồng giao dịch song phẳng” là hợp đồng giao dịch giữa người mua và người bán trong quan hệ thị trường, không bao gồm các hợp đồng mua bán giữa nội bộ của một công ty, giữa các Chính phủ, giữa các tổ chức thuộc Chính phủ, hoặc bất cứ giao dịch, trao đổi nào bị ảnh hưởng bởi những quan hệ thương mại không bình thường.

5. “Khí đồng hành” là hydrocarbon ở thể khí

được tách ra trong quá trình khai thác và xử lý dầu thô.

6. "Phát triển mỏ" là quá trình chuẩn bị và đầu tư xây dựng công trình, khoan khai thác, lắp đặt thiết bị để đưa mỏ vào khai thác dầu khí kể từ khi mỏ đó được tuyên bố phát hiện có giá trị thương mại.

7. "Sản lượng dầu khí thực" là sản lượng dầu khí khai thác và giữ được từ diện tích hợp đồng, được đo tại điểm giao nhận.

Chương II

HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 5. Đề án và chương trình công tác.

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải lập đề án tổng thể, đề án chi tiết đối với các hoạt động này, trình cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí để xem xét, chấp thuận.

Thời hạn xem xét, chấp thuận không quá sáu mươi ngày (60 ngày) đối với đề án tổng thể và không quá ba mươi ngày (30 ngày) đối với các đề án chi tiết kể từ ngày nhận được đề án.

2. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải lập chương trình công tác năm tương ứng theo từng giai đoạn phù hợp với các cam kết trong hợp đồng dầu khí về thời hạn, nội dung công việc, tài chính và gửi Tổng công ty Dầu khí Việt Nam để thỏa thuận thực hiện.

Điều 6. Các tiêu chuẩn được áp dụng.

Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động dầu khí phải áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn, môi trường, kỹ thuật và công nghệ có liên quan.

Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn Việt

Nam, tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được áp dụng các tiêu chuẩn trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là một bên tham gia hoặc ký kết.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn khác phải được phép của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 7. Các tài liệu về môi trường và an toàn.

Tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải xây dựng và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các tài liệu sau:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Chương trình quản lý an toàn và đánh giá mức độ rủi ro kèm theo các biện pháp hạn chế sự cố và thiệt hại;
- Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp các sự cố bao gồm cả các biện pháp kỹ thuật và việc sử dụng các phương tiện, thiết bị để khắc phục sự cố.

Điều 8. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và an toàn.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải thực hiện các công việc có liên quan đến bảo vệ môi trường và an toàn sau:

1. Lập vùng an toàn và duy trì tín hiệu an toàn cho các công trình dầu khí và máy móc thiết bị theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;
2. Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn theo chương trình quản lý an toàn đã được phê duyệt;
3. Thực hiện chương trình quan trắc các thay đổi về môi trường, thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường và các biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm và khắc phục hậu quả do sự cố ô nhiễm môi trường gây ra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
4. Hạn chế tới mức thấp nhất những tác động

làm ảnh hưởng hoặc đưa đến hậu quả xấu cho môi trường như ô nhiễm đất, nước, rừng, không khí, gây hại cho hệ thực vật và động vật, làm mất cân bằng sinh thái hoặc làm ảnh hưởng xấu tới môi trường dân sinh;

5. Cập nhật số liệu và hoàn thiện báo cáo đánh giá rủi ro, báo cáo việc thực hiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;

6. Ghi chép đầy đủ các sự cố, tai nạn xảy ra;

7. Thông báo khẩn cấp và áp dụng ngay các biện pháp khắc phục trong trường hợp bị tai nạn hoặc sự cố;

8. Áp dụng các biện pháp để bảo đảm an toàn lao động.

Điều 9. Trách nhiệm khi xảy ra sự cố.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại đối với người, tài sản và môi trường, kể cả việc làm sạch và khôi phục hiện trạng môi trường do tác hại trực tiếp hay gián tiếp của hoạt động dầu khí gây ra.

Điều 10. Các yêu cầu về bảo tồn tài nguyên.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải tuân thủ các quy định về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên dầu khí và khai thác dầu khí với hệ số thu hồi dầu khí tối ưu phù hợp với thông lệ trong công nghiệp dầu khí quốc tế.

Điều 11. Vùng an toàn dầu khí.

Khoảng cách vùng an toàn cho các công trình khoan, khai thác trên biển là năm trăm mét (500 mét) trở ra tính từ rìa ngoài cùng của các công trình hoặc từ vị trí thả neo đối với các phương tiện nổi, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trong phạm vi hai hải lý (2 hải lý) tính từ rìa ngoài cùng của công trình, các phương tiện, tàu thuyền không được thả neo. Trong phạm vi vùng an toàn, người không có

trách nhiệm không được phép xâm nhập, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Vùng an toàn xung quanh các công trình phục vụ tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trên đất liền do cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí quy định, tùy thuộc vào điều kiện địa lý, xã hội của nơi tiến hành hoạt động dầu khí.

Điều 12. Các quy định trong khi khoan.

Trong khi tiến hành khoan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Khoan theo thiết kế hoặc thiết kế có thay đổi đã được duyệt;

2. Không được khoan ra ngoài diện tích hợp đồng dầu khí;

3. Lưu giữ toàn bộ tài liệu và mẫu vật thu được trong quá trình khoan và nộp cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;

4. Thông báo kịp thời cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam các tài nguyên khác phát hiện được trong khi khoan.

Tổ chức, cá nhân tiến hành khoan còn phải tuân thủ các quy định khác trong các quy chế hiện hành.

Điều 13. Quy định về khai thác dầu khí.

Tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác dầu khí phải tuân thủ các quy định về khai thác tài nguyên dầu khí hiện hành, thực hiện đúng nội dung kế hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đã được phê duyệt; phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật và thiết bị tiên tiến nhằm thu hồi dầu khí tối ưu nhưng không gây tác hại đến lòng đất, môi trường sinh thái và an toàn mỏ.

Điều 14. Quyền sử dụng thiết bị và phương tiện.

Chính phủ Việt Nam có quyền sử dụng các thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí, kể cả đường ống, kho chứa do tổ chức, cá nhân

tiến hành hoạt động dầu khí đang quản lý và sử dụng, với điều kiện không gây cản trở cho hoạt động dầu khí và không làm tăng thêm chi phí cho Nhà thầu.

Điều 15. Nghĩa vụ tháo dỡ công trình.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải lập chương trình, kế hoạch, dự toán chi phí cho việc tháo dỡ các công trình cố định phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, trình cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí phê duyệt. Chi phí cho việc tháo dỡ được tính vào chi phí dầu khí được thu hồi.

Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí, tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí có thể không tháo dỡ hoặc chỉ tháo dỡ một phần công trình cố định nói trên.

Điều 16. Bảo hiểm dầu khí.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải mua bảo hiểm phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế trong công nghiệp dầu khí, đặc biệt là bảo hiểm các công trình phục vụ hoạt động dầu khí, bảo hiểm ô nhiễm môi trường, bảo hiểm tính mạng con người, bảo hiểm tài sản và trách nhiệm dân sự bên thứ ba.

Khuyến khích việc mua bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm Việt Nam.

Điều 17. Trách nhiệm báo cáo của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí những văn bản sau:

1. Các phương án, kế hoạch hoạt động dầu khí hàng năm và dài hạn;
2. Báo cáo tổng hợp về việc thực hiện và kết quả hoạt động dầu khí hàng quý và hàng năm;

3. Báo cáo tình hình thực hiện các dự án kinh tế, kỹ thuật về hoạt động dầu khí;

4. Báo cáo các sự kiện quan trọng, sự cố liên quan đến hoạt động dầu khí;

5. Các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí.

Thời hạn và nội dung từng loại văn bản do cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí quy định.

Điều 18. Cung cấp thông tin.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu, báo cáo về hoạt động dầu khí theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí.

Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp thông tin, báo cáo khi cần thiết, phù hợp với chức năng quản lý nhà nước.

Điều 19. Bảo mật thông tin.

Các báo cáo và thông tin phải được giữ bí mật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được sử dụng và phải lưu giữ tại Việt Nam các tài liệu gốc, mẫu vật và báo cáo; được phép tạm xuất và tái nhập các tài liệu, mẫu vật đó theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

HỢP ĐỒNG DẦU KHÍ

Điều 20. Hình thức hợp đồng dầu khí.

Hợp đồng dầu khí được ký kết dưới các hình thức sau:

- Hợp đồng chia sản phẩm;
- Hợp đồng điều hành chung;
- Hợp đồng liên doanh.

Ngoài các hình thức hợp đồng trên đây, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và đối tác có thể thỏa thuận lựa chọn các hình thức hợp đồng khác.

Điều 21. Người điều hành.

Việc cử hoặc thuê Người điều hành được thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí hoặc bằng một văn bản riêng.

Phạm vi hoạt động điều hành được ủy quyền do các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí hoặc văn bản về cử hoặc thuê Người điều hành.

Người điều hành được đại diện cho các bên tham gia hợp đồng dầu khí tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí và thực hiện quyền, nghĩa vụ trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận về cử hoặc thuê Người điều hành và tuân thủ các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 22. Công ty điều hành chung.

Công ty điều hành chung được thành lập để đại diện cho các bên tham gia hợp đồng dầu khí tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí và thực hiện quyền, nghĩa vụ trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận về điều hành chung và tuân thủ các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Công ty điều hành chung có con dấu, được mở tài khoản, được tuyển dụng lao động, được ký các hợp đồng kinh tế và tiến hành các hoạt động khác theo ủy quyền.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty điều hành chung.

Điều 23. Đấu thầu các lô.

Cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí tổ chức đấu thầu các lô theo quy định về đấu thầu các lô tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí do Chính phủ Việt Nam ban hành.

Trong trường hợp chỉ có một đối tác tham gia

đấu thầu hoặc trong trường hợp đặc biệt khác, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chỉ định thầu theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí.

Điều 24. Giai đoạn tìm kiếm thăm dò.

Giai đoạn tìm kiếm thăm dò quy định tại Điều 17 Luật Dầu khí có thể được chia thành các giai đoạn nhỏ. Thời hạn của các giai đoạn nhỏ do các bên tham gia hợp đồng dầu khí thỏa thuận.

Điều 25. Kéo dài thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò.

Trong trường hợp giai đoạn tìm kiếm thăm dò hết hạn mà Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành chương trình công tác, thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò có thể được kéo dài theo quy định tại Điều 17 Luật Dầu khí. Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải có văn bản nêu rõ lý do xin kéo dài thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét phê duyệt trước khi kết thúc giai đoạn tìm kiếm thăm dò.

Điều 26. Giữ lại diện tích phát hiện khí.

Phát hiện khí có khả năng thương mại theo quy định tại Điều 17 Luật Dầu khí là phát hiện khí mà qua thăm lượng và đánh giá sơ bộ của Nhà thầu, việc đầu tư khai thác mỏ đó có hiệu quả.

Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải có văn bản nêu rõ lý do và đề nghị thời hạn giữ lại diện tích phát hiện khí trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Nếu thời gian giữ lại diện tích phát hiện khí đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài tới năm năm (5 năm) mà Nhà thầu vẫn chưa tìm được thị trường tiêu thụ khí thì Thủ tướng Chính phủ có thể cho phép kéo dài thêm hai năm (2 năm) tiếp theo theo đề nghị của Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Trường hợp Nhà thầu cố tình trì hoãn hoặc thiếu thiện chí trong việc thỏa thuận về hợp đồng

mua bán khí, việc cho phép giữ lại diện tích phát hiện khí có thể bị đình chỉ hoặc không được xem xét cho kéo dài.

Điều 27. Tạm dừng việc thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí.

1. Tạm dừng trong trường hợp bất khả kháng.

Các bên tham gia hợp đồng dầu khí có thể thỏa thuận phương thức tạm dừng việc thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 17 Luật Dầu khí. Sự kiện bất khả kháng do các bên tham gia hợp đồng dầu khí thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí.

Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng chấm dứt, nhưng hậu quả của sự kiện bất khả kháng chưa khắc phục xong, việc tiếp tục tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Tạm dừng trong trường hợp đặc biệt.

Trường hợp đặc biệt được tạm dừng việc thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí theo quy định tại Điều 17 Luật Dầu khí là các trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc các lý do đặc biệt khác. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể theo đề nghị của Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Điều 28. Hoàn trả diện tích tìm kiếm thăm dò.

Nhà thầu phải hoàn trả diện tích tìm kiếm thăm dò theo quy định sau:

1. Không ít hơn 20% diện tích hợp đồng ban đầu vào cuối mỗi giai đoạn nhỏ của giai đoạn tìm kiếm thăm dò.

2. Toàn bộ diện tích hợp đồng còn lại sau khi kết thúc giai đoạn tìm kiếm thăm dò trừ các diện tích đang thăm lượng, diện tích phát triển mở, khai thác dầu khí và diện tích được giữ lại theo quy định tại Điều 17 Luật Dầu khí.

Nhà thầu có thể tự nguyện hoàn trả diện tích vào bất kỳ lúc nào trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò. Các vùng đã tự nguyện hoàn trả được trừ khỏi nghĩa vụ hoàn trả diện tích. Việc tự nguyện hoàn trả diện tích không làm giảm các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng dầu khí.

Diện tích hoàn trả phải tạo thành các dạng hình học đơn giản.

Các công trình cố định phải được tháo dỡ khỏi diện tích hoàn trả theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 29. Cam kết công việc.

Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải thỏa thuận chương trình công việc trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò với các cam kết tối thiểu về khối lượng khảo sát địa vật lý, khối lượng giếng khoan, các nghiên cứu tổng hợp khác, các cam kết về đào tạo, tuyển dụng, chuyển giao công nghệ.

Ước tính chi phí cho cam kết công việc tối thiểu nói trên được coi là cam kết tài chính tối thiểu. Nhà thầu được coi là hoàn thành cam kết tài chính tối thiểu khi các cam kết công việc tối thiểu đã hoàn thành.

Trong trường hợp Nhà thầu xin chấm dứt hợp đồng dầu khí, nhưng chưa hoàn thành các cam kết công việc tối thiểu thì phải hoàn trả cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam một khoản tiền tương ứng với khối lượng công việc đã cam kết thực hiện nhưng chưa hoàn thành tính theo cam kết tài chính tối thiểu.

Điều 30. Khai thác sớm.

Trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò, nếu Nhà thầu tiến hành khai thác sớm tại các khu vực thuộc diện tích hợp đồng dầu khí thì phải trình cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí phê duyệt kế hoạch khai thác sớm theo quy định của Luật Dầu khí và Nghị định này.

Điều 31. Các công việc sau khi phát hiện dầu khí.

Sau khi phát hiện dầu khí, Nhà thầu phải thông báo kịp thời và báo cáo các kết quả nghiên cứu, đánh giá và các tài liệu có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí các điều khoản về căn cứ xác định mỏ có giá trị thương mại, thời hạn trình chương trình thăm lượng mỏ, kế hoạch đại cương và kế hoạch phát triển mỏ.

Nhà thầu phải thông báo kết quả thăm lượng cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. Nếu kết quả thăm lượng cho thấy mỏ có giá trị thương mại, Nhà thầu được tuyên bố phát hiện thương mại.

Nhà thầu và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải gửi cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí báo cáo trữ lượng, kế hoạch phát triển mỏ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Sau khi kế hoạch phát triển mỏ được phê duyệt, nếu Nhà thầu không tiến hành phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo thời hạn đã quy định trong văn bản phê duyệt thì cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí được quyền thu hồi mỏ.

Điều 32. Sử dụng dầu khí cho hoạt động khai thác.

Trong quá trình khai thác dầu khí, Nhà thầu có thể sử dụng dầu khí khai thác được từ diện tích hợp đồng cho các hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác theo định mức phù hợp với thông lệ trong công nghiệp dầu khí quốc tế.

Điều 33. Báo cáo định kỳ.

Trong quá trình khai thác dầu khí, Nhà thầu phải nộp báo cáo định kỳ về sản lượng khai thác, thành phần, tỷ trọng dầu khí khai thác được của từng mỏ, từng đối tượng khai thác cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Báo cáo trên phải bao gồm cả thông tin về khối lượng dầu khí sử dụng để phục vụ tìm kiếm

thăm dò và khai thác, khối lượng dầu khí hao hụt hoặc bị đốt bỏ.

Điều 34. Sử dụng khí đồng hành.

Nhà thầu có thể sử dụng khí đồng hành khai thác được trong diện tích hợp đồng làm nhiên liệu phục vụ cho hoạt động dầu khí tại mỏ hoặc bơm trở lại mỏ.

Khí đồng hành chỉ được đốt bỏ khi được cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí cho phép.

Chính phủ Việt Nam có quyền sử dụng không phải trả tiền khí đồng hành mà Nhà thầu có ý định đốt bỏ nếu việc này không gây cản trở cho hoạt động của Nhà thầu. Trong trường hợp đó, Nhà thầu phải tạo điều kiện để công việc trên được thực hiện thuận lợi.

Điều 35. Mỏ dầu khí vượt ra ngoài diện tích hợp đồng.

Trong trường hợp mỏ dầu khí vượt ra ngoài diện tích hợp đồng dầu khí sang diện tích lô chưa đấu thầu hoặc chưa chỉ định thầu thì Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Nhà thầu lập dự án hợp tác để khai thác toàn bộ mỏ đó trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 36. Hợp nhất mỏ.

Trong trường hợp mỏ dầu khí của diện tích hợp đồng dầu khí vượt sang diện tích lô đã đấu thầu, chỉ định thầu hoặc đã ký kết hợp đồng dầu khí thì các bên liên quan thỏa thuận lập dự án để khai thác chung toàn bộ mỏ đó trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương IV

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN TIẾN HÀNH HOẠT ĐỘNG
DẦU KHÍ**

Điều 37. Quyền ký kết hợp đồng để phục vụ hoạt động dầu khí.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí được quyền ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ dầu khí với Nhà thầu phụ hoặc với các tổ chức, cá nhân khác để phục vụ hoạt động dầu khí.

Nhà thầu và Nhà thầu phụ phải ưu tiên mua hàng hóa do Việt Nam sản xuất và cung cấp; ưu tiên ký kết hợp đồng dịch vụ với tổ chức, cá nhân Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm tính cạnh tranh về giá cả và chất lượng.

Điều 38. Chế độ đối với người lao động.

Nhà thầu phải có nội quy lao động, thang bảng lương, chế độ trả thưởng, phụ cấp và các chế độ khác đối với người lao động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về lao động, có tính đến thông lệ được áp dụng trong công nghiệp dầu khí quốc tế; phải có biểu biên chế, kế hoạch tuyển dụng lao động và kế hoạch đào tạo hàng năm.

Điều 39. Tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động dầu khí phải ưu tiên sử dụng lao động là người Việt Nam và được tuyển dụng người nước ngoài làm những công việc mà người Việt Nam chưa thể đảm nhận, nhưng phải có kinh phí, chương trình đào tạo để người Việt Nam sớm thay thế người nước ngoài.

Việc tuyển dụng người lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động dầu khí được trực tiếp tuyển chọn và ký kết hợp đồng lao động với người có giấy phép lao động.

Điều 40. Quyền mở tài khoản và mua ngoại tệ.

1. Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài được mở tài khoản tại Việt Nam và nước ngoài. Khi mở tài khoản tại nước ngoài, Nhà thầu phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài được chuyển ra nước ngoài hoặc được giữ lại ở nước ngoài thu nhập từ việc bán dầu khí thuộc phần thu hồi chi phí, lợi nhuận và các thu nhập hợp pháp khác thu được trong quá trình hoạt động dầu khí.

3. Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua ngoại tệ tại ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại tệ tại Việt Nam để đáp ứng cho các nhu cầu giao dịch vãng lai hay các giao dịch được phép khác theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối.

Điều 41. Bảo đảm cân đối ngoại tệ.

1. Dự án quan trọng được bảo đảm cân đối ngoại tệ là dự án khai thác dầu khí của Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài, có bán toàn bộ hoặc một phần dầu khí tại thị trường Việt Nam để phục vụ cho các dự án đặc biệt quan trọng đầu tư theo chương trình của Chính phủ Việt Nam và dự án có bán dầu khí theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam theo quy định tại khoản 9 Điều 30 Luật Dầu khí.

2. Số ngoại tệ được Chính phủ Việt Nam bảo đảm cân đối theo quy định tại khoản 1 Điều này là số ngoại tệ thiếu hụt sau khi Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài đã mua tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại tệ tại Việt Nam nhưng không vượt quá số tiền Đồng Việt Nam mà Nhà thầu thu được từ việc bán dầu khí tại thị trường Việt Nam.

3. Việc chuyển đổi Đồng Việt Nam sang loại ngoại tệ tự do chuyển đổi được, được thực hiện theo tỷ giá mua bán của các ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm chuyển đổi.

Điều 42. Nghĩa vụ bán dầu thô tại thị trường Việt Nam.

Trong trường hợp khẩn cấp, theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, Nhà thầu có nghĩa vụ bán một phần dầu thô thuộc quyền sở hữu của mình tại thị trường Việt Nam.

Phần dầu thô do Chính phủ Việt Nam yêu cầu đối với từng Nhà thầu bán tại thị trường Việt Nam được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa số dầu thô thuộc sở hữu của Nhà thầu đó và tổng số dầu thô thuộc sở hữu của tất cả các Nhà thầu khai thác dầu khí tại Việt Nam.

Giá bán dầu thô theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam là giá bán theo giá cạnh tranh quốc tế.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên doanh.

Trong trường hợp hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng liên doanh thì doanh nghiệp liên doanh được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh, các quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu được quy định tại Chương này và các quy định tương ứng của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chương V

CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ, TÀI CHÍNH

Điều 44. Thuế tài nguyên đối với dầu thô.

Tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác dầu thô phải nộp thuế tài nguyên.

Thuế tài nguyên đối với dầu thô được xác định trên cơ sở lũy tiến từng phần của tổng sản lượng dầu thô thực, khai thác trong mỗi kỳ nộp thuế tính theo sản lượng dầu thô bình quân mỗi ngày khai thác được của toàn bộ diện tích hợp đồng dầu khí.

Biểu thuế tài nguyên đối với dầu thô được quy định như sau:

Sản lượng khai thác	Dự án khuyến khích đầu tư	Dự án khác
Đến 20.000 thùng/ngày	4%	6%
Trên 20.000 thùng đến 50.000 thùng/ngày	6%	8%
Trên 50.000 thùng đến 75.000 thùng/ngày	8%	10%
Trên 75.000 thùng đến 100.000 thùng/ngày	10%	15%
Trên 100.000 thùng đến 150.000 thùng/ngày	15%	20%
Trên 150.000 thùng/ngày	20%	25%

Điều 45. Thuế tài nguyên đối với khí thiên nhiên.

Tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác khí thiên nhiên phải nộp thuế tài nguyên.

Thuế tài nguyên đối với khí thiên nhiên được xác định trên cơ sở lũy tiến từng phần của tổng sản lượng khí thực, khai thác trong mỗi kỳ nộp thuế tính theo sản lượng khí bình quân mỗi ngày khai thác được của toàn bộ diện tích hợp đồng dầu khí.

Biểu thuế tài nguyên đối với khí thiên nhiên được quy định như sau:

Sản lượng khai thác	Dự án khuyến khích đầu tư	Dự án khác
Đến 5 triệu m ³ /ngày	0%	0%
Trên 5 triệu m ³ đến 10 triệu m ³ /ngày	3%	5%
Trên 10 triệu m ³ /ngày	6%	10%

Điều 46. Giá tính thuế tài nguyên.

Giá tính thuế tài nguyên đối với dầu thô là giá bình quân gia quyền của dầu thô được bán tại điểm giao nhận theo hợp đồng giao dịch song phẳng trong kỳ nộp thuế.

Giá tính thuế tài nguyên đối với khí thiên nhiên là giá bán theo hợp đồng giao dịch song phẳng tại điểm giao nhận trong kỳ nộp thuế.

Trong trường hợp dầu khí được bán không theo hợp đồng giao dịch song phẳng thì giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính xác định dựa trên giá thị trường có xét đến chất lượng dầu khí, địa điểm và các yếu tố liên quan khác.

Điều 47. Phương thức nộp thuế tài nguyên.

Thuế tài nguyên được nộp bằng dầu khí hoặc bằng tiền, hoặc một phần bằng tiền và một phần bằng dầu khí tùy theo sự lựa chọn của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế thông báo cho tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác dầu khí trước 6 tháng về việc nộp thuế tài nguyên bằng tiền hay bằng dầu khí.

Thuế tài nguyên được tạm nộp hàng tháng và quyết toán theo quý.

Nếu thuế tài nguyên được thu bằng dầu khí thì địa điểm nộp thuế là điểm giao nhận. Trong trường hợp cơ quan thuế yêu cầu nộp thuế tài nguyên tại địa điểm khác thì đối tượng nộp thuế được trừ chi phí vận tải và các chi phí trực tiếp khác phát sinh do thay đổi địa điểm nộp thuế vào phần thuế tài nguyên phải nộp.

Điều 48. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổ chức, cá nhân tiến hành tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ nộp thuế và thuế suất quy định tại Điều 33 Luật Dầu khí.

Tổng thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí và thu nhập khác.

Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí bằng doanh thu trừ các chi phí

liên quan đến hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong kỳ nộp thuế theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 Nghị định này.

Thu nhập khác bao gồm:

1. Chênh lệch về mua bán chứng khoán;
2. Thu nhập về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản;
3. Thu nhập từ chuyển nhượng;
4. Thu nhập từ tiền gửi, cho vay vốn;
5. Chênh lệch do bán ngoại tệ;
6. Thu các khoản thu khó đòi đã xóa sổ kế toán, nay đòi được;
7. Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ;
8. Thu nhập từ các khoản doanh thu khác liên quan đến hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí sau khi trừ các khoản chi phí để tạo ra các khoản thu nhập đó;
9. Các khoản thu nhập khác.

Điều 49. Doanh thu.

Doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí là toàn bộ giá trị dầu khí được bán theo hợp đồng giao dịch song phẳng.

Trong trường hợp dầu khí được bán không theo hợp đồng giao dịch song phẳng thì doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định bằng cách lấy khối lượng dầu khí được bán nhân với giá do Bộ Tài chính xác định theo quy định tại Điều 46 Nghị định này.

Điều 50. Chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

1. Chi phí được phép thu hồi theo thỏa thuận tại hợp đồng dầu khí;

2. Thuế tài nguyên;
3. Thuế xuất khẩu;
4. Tiền hoa hồng dầu khí thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí;
5. Các khoản đóng góp tài trợ vì mục đích xã hội, từ thiện.

Điều 51. Các chi phí không được tính vào chi phí được thu hồi.

Các chi phí không được tính vào chi phí được thu hồi bao gồm:

1. Các chi phí phát sinh trước khi hợp đồng dầu khí có hiệu lực, trừ trường hợp đã được thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp nhận;
2. Các loại hoa hồng dầu khí và các cam kết khác đã thỏa thuận không thu hồi trong hợp đồng dầu khí;
3. Lãi vay đối với số tiền đầu tư cho tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí;
4. Tiền nộp phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các tổn thất do lỗi của tổ chức, cá nhân đó gây ra;
5. Tiền nộp thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam và ở nước ngoài và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;
6. Những thiệt hại đã được bảo hiểm đền bù;
7. Các khoản góp tài trợ vì mục đích xã hội, từ thiện;
8. Những chi phí không hợp lý, hợp lệ không thể chứng minh được trong kiểm toán, quyết toán thuế và thanh tra.

Điều 52. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổ chức, cá nhân tiến hành tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tại các dự án khuyến khích

dầu tư dầu khí được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong một năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm năm mươi phần trăm (50%) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong một năm tiếp theo.

Thủ tướng Chính phủ quyết định các trường hợp cụ thể được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm năm mươi phần trăm (50%) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong hai năm tiếp theo.

Điều 53. Phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được thu bằng tiền và được tạm nộp hàng quý, quyết toán theo năm.

Điều 54. Miễn thuế nhập khẩu.

1. Hàng hóa dưới đây do tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trực tiếp nhập khẩu hay ủy thác nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu:

- Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động dầu khí, phương tiện vận chuyển dùng để đưa đón công nhân (ôtô từ 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thủy), kể cả linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng gá lắp, thay thế, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, phương tiện vận chuyển nêu trên;

- Vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí mà trong nước chưa sản xuất được;

- Trang thiết bị y tế và thuốc cấp cứu sử dụng trên các giàn khoan và công trình nổi khi được Bộ Y tế chấp thuận;

- Hàng tạm nhập tái xuất phục vụ cho hoạt động dầu khí;

- Trang thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động dầu khí.

2. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này do Nhà thầu phụ và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu để cung cấp cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí thông qua hợp đồng dịch vụ dầu khí hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu.

Điều 55. Thuế giá trị gia tăng.

1. Hàng hóa dưới đây do tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trực tiếp nhập khẩu hay ủy thác nhập khẩu không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng:

- Thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần thiết cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí.

Trong trường hợp nhập khẩu dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng, nhưng trong dây chuyền đồng bộ có thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì không tính thuế giá trị gia tăng cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ đó;

- Vật tư nhập khẩu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần thiết cho hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ;

- Hàng tạm nhập tái xuất phục vụ cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí.

2. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này do Nhà thầu phụ và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu để cung cấp cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí thông qua hợp đồng dịch vụ dầu khí hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng.

Điều 56. Truy nộp thuế.

Hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 54 hoặc không thuộc diện chịu thuế

giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 55 Nghị định này, nếu:

1. Chuyển nhượng tại Việt Nam không nhằm mục đích phục vụ hoạt động dầu khí thì phải được phép của Bộ Thương mại và phải truy nộp thuế nhập khẩu và nộp các loại thuế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Chuyển nhượng tại Việt Nam nhằm mục đích phục vụ hoạt động dầu khí thì phải được phép của Bộ Thương mại và được miễn truy nộp thuế nhập khẩu nhưng phải nộp các loại thuế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Chuyển quyền sở hữu các vật tư, thiết bị cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam theo thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí thì Nhà thầu được miễn truy nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác, nhưng Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải nộp các loại thuế, phí có liên quan đến chuyển quyền sở hữu tài sản và nộp tiền thu sử dụng vốn đối với số vốn là giá trị tài sản nhận từ Nhà thầu.

Điều 57. Xác định danh mục thiết bị, máy móc, vật tư đã sản xuất được ở trong nước.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục thiết bị máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư trong nước đã sản xuất được làm cơ sở cho việc miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 54 và xác định hàng hóa không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 55 Nghị định này.

Điều 58. Miễn thuế xuất khẩu.

1. Hàng tạm nhập khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu nhưng không sử dụng hết được miễn thuế xuất khẩu khi tái xuất.

2. Phần dầu khí thuộc thuế tài nguyên của Nhà nước khi xuất khẩu không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu.

Điều 59. Thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển nhượng phần vốn tham gia hợp đồng dầu khí.

1. Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh do chuyển nhượng phần vốn tham gia hợp đồng dầu khí theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh do chuyển nhượng phần vốn tham gia hợp đồng dầu khí theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 60. Thuế đối với Nhà thầu phụ.

Nhà thầu phụ và tổ chức, cá nhân khác ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành trừ trường hợp nhập khẩu hàng hóa quy định tại Điều 54 và Điều 55 Nghị định này.

Điều 61. Năm tính thuế.

Năm tính thuế đối với tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí có thể đề nghị Bộ Tài chính cho áp dụng năm tài chính 12 tháng của mình để tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 62. Đăng ký chế độ kế toán.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải đăng ký chế độ kế toán áp dụng với Bộ Tài chính và chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính.

Điều 63. Báo cáo tài chính.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải gửi báo

cáo tài chính hàng năm đến cơ quan cấp giấy phép đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê trong vòng 3 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trước khi gửi cho các cơ quan nói trên, báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập của Việt Nam hoặc công ty kiểm toán độc lập khác được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm toán.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 64. Thẩm quyền quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí. Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Ban hành các văn bản pháp quy về quản lý các hoạt động dầu khí;

- Quyết định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển ngành dầu khí;

- Quyết định việc hợp tác hoạt động dầu khí tại các vùng chồng lấn với nước ngoài;

- Quyết định phương án hợp tác quốc tế về tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí;

- Xem xét, quyết định các vấn đề khác theo thẩm quyền.

2. Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Ban hành danh mục các lô; phân định và điều chỉnh giới hạn các lô;

- Thay mặt Chính phủ chuẩn y hợp đồng đầu khí;

- Thay mặt Chính phủ xem xét, quyết định việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dầu khí;

- Xem xét, quyết định việc chỉ định thầu để chọn đối tác ký kết hợp đồng dầu khí;

- Xem xét, quyết định các vấn đề khác theo thẩm quyền.

Điều 65. Thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí.

Cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí theo quy định của Chính phủ; có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về dầu khí;

2. Soạn thảo, trình Chính phủ phê duyệt chiến lược, quy hoạch phát triển ngành dầu khí;

3. Soạn thảo, trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển và dự án đầu tư dầu khí quan trọng;

4. Trình Chính phủ các chính sách về khuyến khích tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí;

5. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chỉ định thầu để chọn đối tác ký kết hợp đồng dầu khí;

6. Kiểm tra, thanh tra và giám sát các hoạt động dầu khí;

7. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí.

Điều 66. Thẩm quyền quản lý nhà nước về dầu khí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết quả đấu thầu các lô tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí;

chủ trì thẩm định, cấp giấy phép đầu tư và điều chỉnh giấy phép đầu tư đối với dự án đầu tư dầu khí theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dầu khí; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình cấp giấy phép đầu tư trong lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam; thực hiện các nhiệm vụ khác theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm giải quyết hoặc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề về đất đai, sử dụng hợp lý các nguồn nước, nhất là các vùng nuôi trồng thủy sản, vùng bảo tồn sinh vật biển, vùng dành cho nghỉ mát, hoạt động du lịch và các vấn đề khác liên quan đến việc thực hiện các hoạt động dầu khí.

Chương VII

THANH TRA CÁC HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 67. Thanh tra chuyên ngành.

Thanh tra hoạt động dầu khí là thanh tra chuyên ngành nhằm bảo đảm việc chấp hành Luật Dầu khí và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động dầu khí. Cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí tổ chức thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành dầu khí và ra quyết định thanh tra hoạt động dầu khí.

Quyết định thanh tra bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Thành phần Đoàn thanh tra;
- Đối tượng thanh tra;

- Nội dung thanh tra;
- Địa điểm thanh tra;
- Thời hạn thanh tra;
- Những yêu cầu đối với đối tượng chịu sự thanh tra.

Điều 68. Quyền hạn và trách nhiệm của Đoàn thanh tra.

1. Đoàn thanh tra có các quyền sau:

- Được mang theo phương tiện kỹ thuật cần thiết phục vụ cho hoạt động thanh tra.
- Yêu cầu đối tượng chịu sự thanh tra cung cấp tài liệu cần thiết trong thời hạn nhất định. Nếu quá thời hạn đó, yêu cầu của Đoàn thanh tra không được thực hiện thì Đoàn thanh tra ra quyết định về việc áp dụng các biện pháp cần thiết khác để thu thập tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Ra quyết định đình chỉ tạm thời đối với hoạt động dầu khí có nguy cơ gây tai nạn, tổn thất nghiêm trọng cho người, tài sản và môi trường.

Thời hạn đình chỉ tạm thời không được vượt quá 15 ngày. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm ra quyết định, Đoàn thanh tra phải thông báo quyết định của mình cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và đề nghị biện pháp xử lý. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đoàn thanh tra ra quyết định đình chỉ tạm thời, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải ra quyết định xử lý.

- Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về dầu khí.

2. Khi tiến hành thanh tra, Đoàn thanh tra phải tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 69. Quyết định của Đoàn thanh tra.

Sau khi kết thúc thanh tra, quyết định của Đoàn thanh tra được thông báo cho đối tượng chịu sự thanh tra và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp đối tượng chịu sự thanh tra không đồng ý với quyết định của Đoàn thanh tra thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định đó, đối tượng chịu sự thanh tra được quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải trả lời về việc giải quyết khiếu nại đó.

Điều 70. Thi hành quyết định của Đoàn thanh tra.

Đối tượng chịu sự thanh tra phải chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra. Trường hợp có khiếu nại, đối tượng chịu sự thanh tra vẫn phải chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra trong khi chờ kết quả giải quyết khiếu nại.

Trường hợp quyết định của Đoàn thanh tra không được đối tượng chịu sự thanh tra thi hành thì xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương VIII

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 71. Mức phạt đối với các hành vi vi phạm.

1. Mức phạt bằng tiền đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 43 Luật Dầu khí được chi tiết như sau:

a) Tiến hành hoạt động dầu khí trái phép thì bị phạt tới một trăm nghìn (100.000) Đôla Mỹ;

b) Không tuân thủ các quy trình, quy phạm, quy chế kỹ thuật về tìm kiếm thăm dò và khai

thác dầu khí, gây thiệt hại đối với tài nguyên dầu khí hoặc môi trường, hoặc làm thiệt hại tài sản nhà nước và cá nhân, thì ngoài việc phải bồi thường thiệt hại còn bị phạt tới một trăm nghìn (100.000) Đôla Mỹ;

c) Tiến hành các hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí vượt quá phạm vi diện tích hợp đồng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước về Dầu khí cho phép thì bị phạt tới năm mươi nghìn (50.000) Đôla Mỹ.

d) Khai man, trốn thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế nộp thiếu, còn phải nộp tiền phạt về khai man, trốn thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam;

e) Không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam những khoáng sản khác ngoài dầu khí hoặc cổ vật, tài sản có giá trị được phát hiện trong diện tích hợp đồng dầu khí thì bị phạt tới mười nghìn (10.000) Đôla Mỹ và bị tịch thu các mẫu vật, cổ vật, tài sản đó;

f) Ngăn cản các hoạt động thanh tra thì bị phạt tới mười nghìn (10.000) Đôla Mỹ.

2. Ngoài những quy định về mức phạt bằng tiền trên đây, tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng các hình thức, biện pháp xử phạt hành chính khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 72. Thẩm quyền xử lý các vi phạm.

Thẩm quyền xử lý các vi phạm trên đây được quy định như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí xử lý các vi phạm và định mức phạt tiền quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều 71 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra xử lý vi phạm và định mức phạt tiền quy định tại điểm f khoản 1 Điều 71 Nghị định này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73. Áp dụng Luật.

Đối với các hợp đồng dầu khí đã ký kết trước ngày có hiệu lực thi hành của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000, các bên tham gia hợp đồng dầu khí tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí.

Các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000 cũng được áp dụng cho các hợp đồng dầu khí đã ký kết; việc áp dụng này chỉ được thực hiện kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 74. Hiệu lực của Nghị định.

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 84/CP ngày 17 tháng 12 năm 1996. Các quy định liên quan đến hoạt động dầu khí trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Các cơ quan quản lý nhà nước, trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 75. Trách nhiệm thi hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI